

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 115/2017/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các chủ thể giám sát và đối tượng giám sát dưới đây:

1. Chủ thể giám sát:

- a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN);
- b) Sở giao dịch chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDCK);
- c) Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TTLKCK).

2. Đối tượng giám sát là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán, bao gồm:

- a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;
- b) Thành viên giao dịch và thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây viết tắt là TVGD);
- c) Thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TVLK);
- d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- đ) SGDCK, TTLKCK khi tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán;
- e) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là TVBT);
- g) Nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức (sau đây viết tắt là NĐT);
- h) Ngân hàng giám sát, ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tiền gửi đầu tư chứng khoán;
- i) Các đối tượng liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Thị trường chứng khoán có tổ chức* là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK, bao gồm cả thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là TTCK).
2. *Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch* là tổ chức có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK.
3. *Giao dịch chứng khoán* là việc mua, bán chứng khoán thực hiện qua hệ thống giao dịch của SGDCK và các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK do TTLCK thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
4. *Giao dịch nội bộ* là các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP).
5. *Giao dịch thao túng TTCK* là các hành vi được quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.
6. *Giao dịch bất thường* là các giao dịch rơi vào các tiêu chí cảnh báo bất thường của hệ thống tiêu chí giám sát do SGDCK ban hành và áp dụng để xác định chứng khoán có giao dịch bất thường sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.
7. *Tin đồn* là thông tin của một nhóm người, của một cá nhân, tổ chức về một vấn đề liên quan đến các chứng khoán hoặc giao dịch chứng khoán diễn ra trên TTCK có thể có thực hoặc không có thực, nhưng thời điểm phát ra tin đồn chưa có căn cứ để kiểm chứng.

Chương II

TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của UBCKNN

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát giao dịch chứng khoán.
2. Ban hành quy trình giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN; quy chế phối hợp trong công tác giám sát giao dịch chứng khoán giữa UBCKNN, SGDCK và TTLKCK.
3. Phê duyệt hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán do SGDCK xây dựng và các ngưỡng giám sát tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, giới hạn vị thế theo từng tài khoản của NĐT, TVBT do TTLKCK xây dựng.
4. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát giao dịch chứng khoán hàng năm.
5. Giám sát các hoạt động giao dịch chứng khoán trên TTCK nhằm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các hành vi giao dịch nội bộ, giao dịch thao túng TTCK và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán.
6. Giám sát NĐT trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán.
7. Yêu cầu các đối tượng giám sát báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán.
8. Kịp thời có cảnh báo phù hợp đối với các giao dịch và hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch chứng khoán của đối tượng giám sát.

9. Tổng hợp báo cáo giám sát và báo cáo phục vụ công tác giám sát của SGDCK, TTLKCK, TVGD; yêu cầu SGDCK, TTLKCK, TVGD, TVBT phối hợp để kịp thời phát hiện, phân tích, đánh giá và tiến hành kiểm tra, xử lý khi cần thiết đối với các đối tượng liên quan đến các giao dịch chứng khoán bất thường theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra đối với các đối tượng giám sát quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

11. Hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện công tác giám sát giao dịch chứng khoán.

Điều 5. Nội dung giám sát của UBCKNN

Nội dung giám sát của UBCKNN bao gồm:

1. Trên cơ sở báo cáo giám sát, báo cáo phục vụ công tác giám sát của SGDCK, TTLKCK, TVGD và các nguồn thông tin khác, phân tích sâu để phát hiện các giao dịch thao túng TTCK, giao dịch nội bộ, các giao dịch bị cấm khác và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

2. Giám sát hoạt động của SGDCK trong việc tổ chức và giám sát các giao dịch chứng khoán diễn ra trên TTCK thuộc phạm vi giám sát của SGDCK theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

3. Giám sát hoạt động của TTLKCK trong việc quản lý và giám sát tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ theo từng tài khoản của NĐT, TVBT; giới hạn vị thế của NĐT khi tham gia giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Mục 3 Chương II Thông tư này.

4. Giám sát giao dịch chứng khoán của NĐT tổ chức trong nước, NĐT nước ngoài để kịp thời phát hiện các diễn biến bất thường có thể gây hiệu ứng tâm lý cho các NĐT nhỏ lẻ.

5. Giám sát việc cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán của các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN